

Số: ____/17/KIS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 15 tháng 08 năm 2017.

CÔNG VĂN GIẢI TRÌNH

(về biến động kết quả kinh doanh của 6 tháng đầu năm 2017 so với 6 tháng đầu năm 2016)

Kính gửi : Ủy Ban chứng khoán nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM (HOSE)

Theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên TTCK, trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh giữa kỳ báo cáo so với cùng kỳ báo cáo năm trước có biến động từ 10% trở lên, công ty chứng khoán phải giải trình rõ nguyên nhân dẫn đến những biến động bất thường đó trong báo cáo tài chính quý.

Nay, công ty cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam (gọi tắt là “công ty”) làm công văn giải trình về biến động kết quả kinh doanh của 6 tháng đầu năm 2017 (kỳ báo cáo) so với 6 tháng đầu năm 2016 như sau :

Chi tiêu	Mã chi tiêu	6 tháng đầu (Năm nay)	6 tháng đầu (Năm trước)	Tăng (+) Giảm (-)	Tỷ lệ tăng giảm (%)
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG					
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01	89,002,645	8,239,373,926	(8,150,371,281)	-99%
a. Lãi bán các tài sản tài chính	01.1	922,932	3,799,015,485	(3,798,092,553)	100%
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ	01.2	80,584,001	2,936,294,381	(2,855,710,380)	-97%
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	7,495,712	1,504,064,060	(1,496,568,348)	100%
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	38,078,138,873	5,327,622,218	32,750,516,655	615%
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	25,080,060,781	67,529,648,824	(42,449,588,043)	-63%
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	28,538,394,235	49,037,987,202	(20,499,592,967)	-42%
1.7. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	83,200	38,224	44,976	118%
1.09. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	883,393,764	1,104,999,797	(221,606,033)	-20%
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	1,290,839,469	158,181,818	1,132,657,651	716%
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	50,668,594	122,260,599	(71,592,005)	-59%
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01>11)	20	94,010,581,561	131,520,112,608	(37,509,531,047)	-29%
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG					
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21	111,354,340	307,910,039	(196,555,699)	-64%
a. Lỗ bán các tài sản tài chính	21.1	110,429,362	307,910,039	(197,480,677)	-64%
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	924,978	-	924,978	
2.5. Lỗ từ các tài sản tài chính phải sinh phòng ngừa rủi ro	25	30,710,663,992	6,333,904,810	24,376,759,182	385%
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26	162,931,858	176,847,036	(13,915,178)	-8%
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	25,262,985,062	36,563,046,114	(11,300,061,052)	-31%



2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	869,881,552	1,411,768,789	(541,887,237)	-38%
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	909,208,666	339,208,499	570,000,167	168%
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21->32)	40	58,027,025,470	45,132,685,287	12,894,340,183	29%
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41	1,225,000,000	2,225,018,250	(1,000,018,250)	-45%
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	309,771,211	563,569,963	(253,798,752)	-45%
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41->44)	50	1,534,771,211	2,788,588,213	(1,253,817,002)	-45%
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH					
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51	183,721,232	-	183,721,232	
4.2. Chi phí lãi vay	52	49,714,062	-	49,714,062	
Cộng chi phí tài chính (60 = 51->56)	60	233,435,294	-	233,435,294	
V. CHI BÁN HÀNG					
61	61	-	-	-	
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN					
62	62	28,619,719,772	25,844,054,053	2,775,665,719	11%
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40-60-61-62)	70	8,665,172,236	63,331,961,481	(54,666,789,245)	-86%
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC					
8.1. Thu nhập khác	71	201,121	341,519	(140,398)	-41%
8.2. Chi phí khác	72	33,263	35,452	(2,189)	-6%
Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)	80	167,858	306,067	(138,209)	-45%
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)	90	8,665,340,094	63,332,267,548	(54,666,927,454)	-86%
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91	8,583,831,115	60,395,973,167	(51,812,142,052)	-86%
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92	79,659,023	2,936,294,381	(2,856,635,358)	-97%
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN					
100	100	1,717,136,214	12,558,814,306	(10,841,678,092)	-86%
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	1,717,136,214	13,119,637,944	(11,402,501,730)	-87%
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	-	(560,823,638)	560,823,638	100%
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200	6,948,203,880	50,773,453,242	(43,825,249,362)	-86%
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	190	456	(267)	-58%
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502	190	456	(267)	-58%

19-C.T.
CÔNG TY
PHẦN
CHỨNG KHOÁN
VIỆT NAM
TP. HỒ CHÍ MINH

Trong 6 tháng đầu năm 2017, lợi nhuận sau Thuế của công ty đạt 6.9 tỷ đồng, giảm 43.8 tỷ đồng (tương ứng giảm 86%) so với cùng kỳ năm trước do doanh thu giảm so với tốc độ tăng chi phí quản lý doanh nghiệp, cụ thể là:

- Tổng doanh thu hoạt động giảm 37.5 tỷ đồng (29%) so với kỳ trước chủ yếu do doanh thu môi giới giảm 20.4 tỷ (42%) & doanh thu các khoản cho vay giảm 42.4 tỷ (63%)
- Trong khi đó, chi phí hoạt động tăng 12.8 tỷ (29%) chủ yếu do trích lập dự phòng nợ cho vay ký quỹ xấu dù các biến phí tương ứng doanh thu có giảm.

Trên đây là những nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch về kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017 so với cùng kỳ năm trước của Công ty CP chứng khoán KIS Việt Nam.

Công ty xin báo cáo Quý cơ quan được biết.

Trân trọng !

Tổng giám đốc



Park Won Sang

